

Bản án số: 243/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng

2. Bà Võ Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, Thư ký Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 242/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà PTHN, sinh năm 1975

Địa chỉ: 66/5 T, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh “Có mặt”

2. *Bị đơn:* Ông PSH, sinh năm 1973

Địa chỉ: 66/5 T, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh “Có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà PTHN trình bày:

Bà và ông PSH chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/95, quyển số 58 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/1995). Chúng tôi sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Chúng tôi sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được, gây ảnh hưởng đến con cái nên tôi yêu cầu ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà N xác nhận có 02 con chung tên PHS, sinh ngày 21/4/1996 (đã thành niên) và PHB, sinh ngày 15/01/2006. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ PHB, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà N và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông PSH trình bày: Ông thống nhất với trình bày của Bà N về thời gian chung sống, cũng như việc đăng ký kết hôn. Nhưng ông không đồng ý ly hôn vì ông không có lỗi làm gì để vợ ly hôn. Ông xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng đó là chuyện bình thường. Khoảng mấy năm nay do ông đi làm ăn xa, khoảng nửa tháng đến 01 tháng mới về nhà một lần nên ít liên lạc với vợ. Từ khi Tòa án mời lên làm việc đến nay ông không qua lại với Bà N nữa.

Về con chung: Ông đồng ý giao trẻ PHB cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con ông và Bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông và Bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà PTHN được ly hôn với ông PSH. Về con chung: Giao trẻ PHB cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc bà PTHN khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do ông PSH đang cư trú tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Bà PTHN và ông PSH tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1995 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường X, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/95, quyển số 58 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/1995). Do đó, hôn nhân của Bà N và ông H là hợp pháp.

Từ năm 2010, Bà N và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn vì vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Hai vợ chồng đã sống ly thân. Căn cứ xác minh tại địa phương thì Bà N và ông H cũng không chung sống với nhau cùng các con tại địa chỉ 66/5 T, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ những nội dung trên, xét thấy mâu thuẫn giữa Bà N

và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Bà N và ông H xác nhận có 02 con chung tên PHS, sinh ngày 21/4/1996 (đã thành niên) và PHB, sinh ngày 15/01/2006. Bà N và ông H thỏa thuận giao trẻ PHB cho Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ PHB cho Bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà N và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung giữa bà Nam và ông H.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà Nam phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà PTHN được ly hôn với ông PSH (Giấy chứng nhận kết hôn số 01/95, quyền số 58 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/1995).

- Về con chung: Bà N và ông H xác nhận có 02 con chung tên PHS, sinh ngày 21/4/1996 (đã thành niên) và PHB, sinh ngày 15/01/2006; Giao trẻ PHB cho Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà N và ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng Bà N và ông H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà N và ông H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà PTHN phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0035509 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình